

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 5 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị Lệ, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đỗ Đức Th, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn Tr, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hà Thị Ltrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Th tự nguyện tìm hiểu, yêu thương lấy nhau, có tổ chức cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 08/02/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh song, làm ăn trong miền Nam, tình cảm giữa vợ chồng chỉ hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 04 tháng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp, luôn bất đồng

quan điểm, anh Th ham chơi, không tu chí làm ăn, chị có khuyên nhủ nhưng anh Th không nghe, nên vợ chồng xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Đến tháng 01/2022 vợ chồng về quê, thì giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nên từ ngày 08/02/2022 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, sau đó vào miền Nam làm ăn, vợ chồng đã ly thân đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Minh N, sinh ngày 22/9/2021. Ly hôn, quan điểm của chị L là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con và yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản và công nợ: Chị L xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/02/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Đỗ Đức Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L lấy nhau do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 08/02/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống trong miền Nam, tình cảm vợ chồng hạnh phúc được khoảng 4 tháng thì có phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp, thỉnh thoảng cãi nhau. Đến tháng 01/2022 thì vợ chồng về quê sinh sống, anh có bàn bạc với chị L là không vào miền Nam làm ăn nữa, mà ở nhà làm ăn, nhưng chị L không chịu; vợ chồng có cãi vã thì chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Như Xuân sinh sống, sau đó bỏ vào miền Nam làm ăn. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Nay chị L yêu cầu giải quyết ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, mong vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Anh Th xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Minh N, sinh ngày 22/9/2021. Ly hôn, quan điểm của anh Th là xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng; anh Th trình bày hiện anh có công việc và thu nhập ổn định 8.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con. Trường hợp, Tòa án giải quyết giao con cho chị L nuôi dưỡng, thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con với chị L, vì chị L đòi nuôi con thì phải tự có trách nhiệm lo cho con.

Về tài sản và công nợ: Anh Th xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 20/4/2022, đại diện Ủy ban nhân xã X cho biết: Chị Hà Thị L và anh Đỗ Đức Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 08/02/2021. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị L, anh Th đi làm ăn xa, đến tháng 01/2022 thì vợ chồng cùng về xã X sinh sống. Chị L và anh Th có 01 con chung là cháu Đỗ Minh N, sinh ngày 22/9/2021, hiện đang ở với chị L. Quá trình chung sống giữa chị L và anh Th có xảy ra mâu thuẫn hay không, nguyên nhân mâu thuẫn thế nào địa phương không được biết. Hiện tại chị L không còn chung sống với anh Th tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lphí Tòa án, Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị Lđược ly hôn với anh Đỗ Đức Th. Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Minh N, sinh ngày 22/9/2021 cho chị Hà Thị Lđược trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Đỗ Đức Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ/tháng tính từ tháng 6/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Đức Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị Hà Thị Lphải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; anh Đỗ Đức Th phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị Lkhởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Đỗ Đức Th, cư trú tại: Thôn Trung Lập 2, xã X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Hà Thị Lcó đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Lvà anh Đỗ Đức Th tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/02/2021, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lvà anh Th là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm giữa vợ chồng chỉ hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 4 tháng thì đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng trong sinh hoạt gia đình và công việc của vợ chồng, nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 02/2022 vợ chồng đã sống ly thân đến nay, không còn qua lại quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị Lmột mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; còn anh Th có ý kiến không đồng ý ly hôn, nhưng anh Th không thể hiện được mong muốn hàn gắn tình cảm giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lvà anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Lê, xử cho chị Hà Thị Lđược ly hôn với anh Đỗ Đức Th.

[3] Về con chung: Chị Hà Thị Lvà anh Đỗ Đức Th đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Minh N, sinh ngày 22/9/2021.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị Lvà anh Th, thấy rằng: Cháu Đỗ Minh N đang ở độ tuổi dưới 36 tháng tuổi và hiện đang ở ổn định với chị Lê; chị Lhiện có công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con chung của chị Lê, giao con chung cho chị Lđược trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: chị Lyêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng; anh Th có ý kiến không đồng ý cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa anh Th trình bày, anh Th có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng là 8.000.000đ/tháng; tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, quy định: *“cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng cho con”*. Do đó, để đảm bảo quyền lợi, nhu cầu thiết yếu của con, cần buộc anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, theo như chị Lyêu cầu, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Hà Thị Lvà anh Đỗ Đức Th đều có ý kiến thống nhất vợ chồng không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị Lphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Đỗ Đức Th phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lphí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị Lđược ly hôn với anh Đỗ Đức Th.

2. Về con chung: Chị Hà Thị Lvà anh Đỗ Đức Th có 01(một) con chung là

cháu Đỗ Minh N, sinh ngày 22/9/2021.

Giao con chung là Đỗ Minh N cho chị Hà Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đỗ Đức Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày 23 tháng 5 năm 2022 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Đỗ Đức Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Hà Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, Lphi Tòa án số: AA/2021/0014156 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Hà Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Đỗ Đức Th phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến